

HÌNH TƯỢNG NGHỆ THUẬT TRONG THƠ LÊ KHÁNH MAI TỪ GÓC NHÌN PHÂN TÂM HỌC

Võ Minh Nghĩa¹

TÓM TẮT

Trên cơ sở lý thuyết Phân tâm học của Sigmund Freud và Carl Gustav Jung, bài nghiên cứu triển khai phân tích hình tượng nghệ thuật trong thơ Lê Khánh Mai từ các vấn đề: vô thức cá nhân, vô thức tập thể và cái siêu tôi. Qua ba bình diện trên, hình tượng nghệ thuật trong thơ Lê Khánh Mai đã được khúc xạ qua một lăng kính mới - một góc nhìn thiên về chiều sâu của nội tâm gắn với cuộc đời của nữ sĩ. Thơ Lê Khánh Mai không chỉ là tiếng nói cá nhân mà còn kết tinh chiều sâu tâm thức tập thể và lý tưởng tinh thần cao cả. Nghiên cứu góp phần khẳng định giá trị đặc thù của thơ nữ trong diễn ngôn văn học hiện đại khi đặt dưới ánh sáng của Phân tâm học.

Từ khóa: Lê Khánh Mai, phân tâm học, vô thức, vô thức tập thể, cái siêu tôi, hình tượng nghệ thuật.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.3030-4652.87.5.2026.973>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lê Khánh Mai là một trong những gương mặt thơ nữ tiêu biểu của văn học Việt Nam đương đại. Sinh ra ở Khánh Hòa và trưởng thành trong nhiều không gian văn hóa khác nhau, thơ bà mang dấu ấn của những trải nghiệm đa dạng, góp phần hình thành một thế giới nghệ thuật giàu cảm xúc và có chiều sâu nội tâm. Từ thập niên 1990, bà bắt đầu sáng tác và từng bước định hình phong cách riêng, với giọng thơ giàu nữ tính, trầm lắng và nhiều suy tư. Bà từng bộc bạch rằng: “Chọn nghề văn, được đào tạo nghề văn, suốt đời chỉ làm duy nhất nghề văn, tôi thấm thía đến tận cùng nỗi khổ ải và niềm hạnh phúc của nghề này” [4, tr.593] và từ đó bà đã quyết tâm “đi tìm sinh mệnh cho thơ ca cũng là đi tìm bản mệnh đời cho chính mình” [8, tr.27].

Thơ Lê Khánh Mai thường xoay quanh những vấn đề của đời sống cá nhân, đặc biệt là tình yêu, thân phận và những giằng co nội tâm của chủ thể nữ. Nhiều nghiên cứu trước đây đã ghi nhận đặc điểm nổi bật của thơ bà là sự lắng đọng cảm xúc và chiều sâu tâm trạng thể hiện qua những lớp diễn ngôn tinh tế. Tuy nhiên, phần lớn các công trình vẫn chủ yếu tiếp cận từ góc độ thi pháp hoặc cảm hứng trữ tình, trong khi việc lý giải các biểu hiện tâm lý sâu kín của chủ thể thơ từ góc nhìn Phân tâm học còn chưa được triển khai một cách hệ thống.

Chính vì vậy, việc tiếp cận thơ Lê Khánh Mai dưới ánh sáng của Phân tâm học không chỉ góp phần làm rõ hơn cấu trúc tâm lý và đời sống nội tâm trong sáng tác của bà, mà còn mở ra một hướng nhìn mới trong việc khám phá thế giới nghệ thuật thơ nữ Việt Nam đương đại.

¹ Trường Đại học Văn Hiến; Email: vominhnghiadhs@gmail.com

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu lý thuyết: Được sử dụng để đọc sâu (lý thuyết Phân tâm học và các lý thuyết liên quan), thu thập thông tin, hiểu sâu khái niệm và hình thành cơ sở lý luận cho vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp thống kê, phân loại: Hỗ trợ trong thao tác thống kê, phân loại các tác phẩm thơ ca theo những mô hình lý thuyết tương ứng.

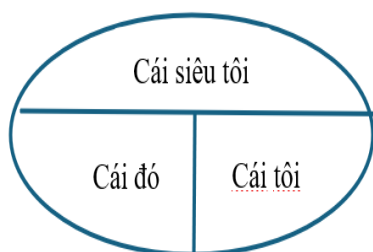
Phương pháp phân tích, tổng hợp: Nhằm giúp hiểu sâu, khái quát các khía cạnh khác nhau trong hình tượng nghệ thuật thơ Lê Khánh Mai dựa trên lý thuyết Phân tâm học của Freud và Jung.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khái lược những vấn đề về lý thuyết

Hình tượng nghệ thuật là một trong những phạm trù trung tâm của sáng tạo văn chương, được hình thành từ trí tưởng tượng và năng lực hư cấu của chủ thể sáng tạo. “Nó không đơn thuần mô phỏng hiện thực, mà khái quát hóa hiện thực thành trải nghiệm thẩm mỹ giàu tầng nghĩa; thực hiện chức năng biểu hiện tư tưởng, cảm xúc và lý tưởng thẩm mỹ của người sáng tác thông qua việc kết hợp hình ảnh, ngôn ngữ, cấu trúc và cảm xúc” [6, tr.101]. Theo Trần Đình Sử, “hình tượng nghệ thuật được tổ chức như một mô hình nhận thức tổng hợp giữa hình thức và ý niệm, trong đó hình tượng là phương tiện để thể hiện quan niệm nghệ thuật về con người và thế giới” [7]. Từ đó có thể thấy, hình tượng nghệ thuật không chỉ là sản phẩm của ý thức sáng tạo mà còn là nơi kết tinh những tầng sâu tâm lý, nơi các xung động cảm xúc, ký ức và ám ảnh được chuyển hóa thành hình thức thẩm mỹ. Nói cách khác, hình tượng chính là điểm gặp gỡ giữa ý thức và những yếu tố chưa được ý thức hóa trong đời sống tinh thần của con người.

Đặt trong mối liên hệ với Phân tâm học, học thuyết do S. Freud sáng lập đã cung cấp một khung lý thuyết quan trọng để lý giải các chiều sâu tâm lý ấy. Phân tâm học tập trung vào việc khám phá những ký ức, mong muốn, cảm xúc và xung đột vô thức của con người, qua đó làm rõ cơ chế vận hành của đời sống tinh thần. Theo Freud, cấu trúc Tâm thần bộ là sự đấu tranh không ngừng giữa các thành tố tâm lý, được khái quát qua sơ đồ:



Sơ đồ: Cấu trúc Tâm thần bộ của con người [1, tr.35]

Trong đó, trung tâm của *cái đó* là *vô thức* (inconscious – libido); trung tâm của *cái tôi* là *ý thức* (conscience) và trung tâm của *cái siêu tôi* là *tiềm thức* (subconscience). Ba thành tố này cấu thành nên một hệ thống tâm lý động, vận hành theo hai nguyên lý cơ bản: *cái siêu*

tôi giữ vai trò chỉ phối, trong khi cái đó và cái tôi tồn tại song song và tương tác liên tục trong mọi hành vi. Điều quan trọng là chính trong quá trình tương tác ấy, những xung năng *vô thức*, những ham muốn bị dồn nén hay những ám ảnh tâm lý được “dịch chuyển” và “mã hóa” thành các hình thức biểu đạt gián tiếp.

Từ góc nhìn này, việc vận dụng Phân tâm học vào nghiên cứu hình tượng nghệ thuật trong thơ cho phép nhận diện sâu hơn cơ chế hình thành và vận động của hình tượng. Hình tượng không chỉ là sự tái hiện hiện thực mà còn là quá trình “vật chất hóa vô thức”, nơi những nội dung tâm lý tiềm ẩn được biểu hiện thông qua biểu tượng, ẩn dụ và cấu trúc ngôn ngữ. Trên cơ sở đó, trong thơ Lê Khánh Mai, hình tượng nghệ thuật cho thấy sự vận động theo chiều sâu tâm thức, đi từ những biểu hiện của *vô thức* như giấc mơ, ám ảnh, đến sự ý thức hóa của *cái tôi* và những biểu hiện mang tính *siêu ngã* - nơi các giá trị tinh thần và lý tưởng thẩm mỹ được kiến tạo. Chính sự dịch chuyển này đã làm nên tính đa tầng và chiều sâu đặc thù của hình tượng thơ trong sáng tác của Lê Khánh Mai.

3.2. Các dạng thức của hình tượng thơ Lê Khánh Mai từ góc nhìn Phân tâm học

3.2.1. *Vô thức cá nhân qua hình tượng những giấc mơ*

Trong nghiên cứu về sáng tạo nghệ thuật, Freud đã rất tâm huyết với lý thuyết về *vô thức*. Ông cho rằng: “Nắm được hạt nhân về cái vô thức, nó cho chúng ta hình ảnh đúng về hoạt động sáng tạo của nghệ sĩ” [3, tr.238]. Nghệ thuật giống như một *giấc mơ*, ở đó, cái *vô thức* được thể hiện trực tiếp thông qua những hình tượng nghệ thuật. Công việc hình thành nên một tác phẩm nghệ thuật là công việc kiến tạo tuyệt vời của *vô thức cá nhân* con người. Khi những ham muốn của con người trỗi dậy, chúng sẽ bị *cái tôi* áp chế hành vi. Cho nên, để thỏa mãn chúng, trạng thái mơ tưởng sẽ bắt đầu cho hành trình thể hiện *cái đó* của con người. Các nhà thơ, họ đã ý thức được điều đó nên tự bản năng, họ phải hình thành một thế giới riêng thông qua sáng tạo nghệ thuật. Sáng tạo nghệ thuật chính là hình thức tạo ra một thế giới của riêng *vô thức*, để thỏa mãn *vô thức* và cũng để thỏa mãn chính người sáng tạo nên nó. Những giấc mơ vô thức ấy luôn hiện diện trong thơ Lê Khánh Mai như ánh xạ của những mối ưu tư, trắc trở giữa cuộc đời: *Khí trời cho tôi thở/ Ánh sáng cho tôi nhìn/ Đôi cánh cho tôi bay/ Máu cho tôi sự sống/ Giấc mơ lớn dần lên, vạm vỡ/ Rồi già nua/ Có ai biết/ Tôi đã vắt kiệt mình để nuôi một giấc mơ (Giấc mơ tôi hái)*. Nhà thơ đã lấy đi toàn bộ những tinh chất của sự sống từ khí trời, ánh sáng cho đến máu và cả tuổi thanh xuân để nuôi lấy một giấc mơ của riêng mình. Nhan đề *Giấc mơ tôi hái*, Lê Khánh Mai đã thấu hiểu được sự khát khao tự tay mình “hái” hay chiếm hữu lấy giấc mơ *siêu tôi* trong *vô thức*. Bài thơ ấy, mục đích sống hết mình của bà được soi sáng bởi giấc mơ theo quan niệm của S.Freud. Hay trong bài *Những mảnh vỡ của ngọc: Trắng lay thức/ giấc hoa mộng mị/ lá vườn khuya xào xạc bước ai về*. Chủ thể trữ tình cũng gửi gắm niềm hy vọng của mình vào những giấc mơ khi sự mong đợi người yêu mỗi ngày một thêm dai dẳng. Giấc mơ *vô thức* đã thay cho bao hy vọng còn chưa thành thiện thực. Giấc mơ là nơi giải tỏa những nỗi niềm sâu kín nhưng khi bừng thức dậy thì cũng là lúc phải đối mặt với thực tại khổ đau: *Người lặng lẽ thấp lên tín hiệu xanh/ và tôi bừng thức/ như chiếc lá thu tàn (Xanh)*. Do đó, trong *vô thức*, giấc mơ trở thành nơi cứu cánh, nương tựa của tâm hồn.

Bên cạnh những giấc mơ, chúng tôi còn bắt gặp một thái cực rất khác trong hồn thơ của Lê Khánh Mai đó là sự u buồn phiền muộn về nỗi sầu nhân thế, nỗi sầu của những sự oan uổng, khuất tất trong cuộc sống mà chủ thể không thể tự giải tỏa. Lúc ấy, Lê Khánh Mai đã không trách móc, bà chọn vùi mình vào giấc mơ để trong cõi *vô thức* tìm lại sự bình an cho mình. Ở khía cạnh này, sự trị liệu của Freud về căn bệnh tâm thần học dường như được ứng dụng. Bà đã tự chữa lành nỗi buồn nhân sinh đó bằng việc khuyên nhủ chính tâm hồn mình hãy ngủ và mơ để quên đi tất cả: *Ngủ đi hỡi trái tim buồn/ Kiếp người muôn thuở hãy còn oan khiên/ Mịch La ôm trọn Khuất Nguyên/ Minh như bọt nước biết tìm chốn nao? (Ru trái tim buồn)*. Tuy không có từ “giấc mơ” nhưng trường từ vựng: *ngủ đi, kiếp người, ru* chính là đang nói đến giấc mơ. Điển tích Khuất Nguyên thời nhà Sở bị ganh ghét mà phải ôm nỗi “Ly tao” đành để chìm mình xuống Mịch La giang là một sự đồng cảm cho kiếp nhân sinh héo úa. Nhưng với Lê Khánh Mai, bà không u sầu hóa nỗi buồn của mình thành hành động đại dột mà ngược lại bà chọn trốn mình vào giấc mơ *vô thức*. Đó có thể gọi là sự lựa chọn bình yên khi đối mặt với nỗi buồn. Không thoát được hiện thực thì tìm vào cõi mơ để “ru trái tim buồn”, đó cũng là một cách giải thoát nỗi buồn vậy.

Nói tiếp sự chữa lành của *giấc mơ vô thức*, chúng ta lại một lần nữa tìm thấy liều thuốc ấy trong những vần thơ: *Còn lại một mình/ Rơi tự do xuống đáy vực cô đơn/ Em cúi nhặt giấc mơ rướm máu/ Nhưng giấc mơ không chịu đầu hàng/ Nó vụt bay lên/ Gọi kỷ niệm tình yêu về băng bó vết thương. (Nhận diện một tình yêu)*. Trái tim người phụ nữ yêu chân thành, yêu mãnh liệt nhưng khi tan vỡ cuộc tình thì chỉ còn lại lẻ loi một hình, một bóng mà ôm nỗi tương tư. Cảm giác cô đơn ấy dường như đẩy bà xuống đáy vực sâu nhưng với cách chữa lành từ giấc mơ, bà giữ gìn nó như một liều thuốc để an ủi tinh thần. Lê Khánh Mai luôn *vô thức* trong ý thức, khiến cho giấc mơ của chính mình trở thành vọng âm của tình yêu để băng bó những tổn thương. Tình tan vỡ, đời lẻ loi nhưng trong *giấc mơ vô thức* còn lưu mãi hình ảnh đẹp, nó như một liều thuốc chữa lành, dù chưa biết ngày mai ra sao, nhưng cứ an nhiên tự tại ngay tại thời điểm này để cứu vớt sự an lạc trong cuộc đời.

Lại cũng có những lúc nhà thơ băng khuâng với những ngập ngừng nữ tính. Người ta thường hay nói, trái tim người con gái hay đa sầu đa cảm thì với Lê Khánh Mai, sự đa cảm ấy lại càng nhân lên gấp bội. Nhà thơ có lúc đã tự vấn và bất định giữa cõi mộng và cõi thực khi mình chưa thức nhận chúng rạch ròi: *Đang sống một đời sống khác/ hay chỉ là giấc mơ?/ Xung quanh tôi vô vàn hạt bụi/ bay tuyết vời tự do/ Muôn điệu ca của gió/ Cát lên trong im lặng bầu trời” (Trạng thái)*. Nếu nói bài thơ trên là một trạng thái thì xin xác định rõ đó là trạng thái của sự phân vân, ngập ngừng, vô định. Từ cấu tứ bài thơ với hàng loạt các hình ảnh như là: *vô vàn hạt bụi, bay tự do, điệu ca của gió, bầu trời lặng im,...* tất cả đều rất nhẹ nhàng, thông thả trong cái lớn lao của không gian yên tĩnh. Trước sự tự do lặng yên ấy, bà vẫn đang hoài nghi về cõi thực và cõi mơ. Cuộc sống của bà lúc viết nên bài thơ này có lẽ đang va vấp điều gì khó khăn, ngọt ngào nên ước muốn mang đến *giấc mơ vô thức* để chữa lành nỗi đau và những tổn thương là điều cần có. Cả bài thơ là một trạng thái nhưng lại không nói rõ là trạng thái gì thì với cách lý giải giấc mơ bằng Phân tâm học, chúng ta đã tự cho mình một câu trả lời rất thú vị.

Giấc mơ của Lê Khánh Mai là giấc mơ chữa lành mọi vết thương lòng. Nhà thơ còn đồng cảm và nhập vai vào người mẹ của mình để nói lên nỗi niềm ngang trái: *Góa chồng năm hai mươi tuổi/ Mẹ tôi mất huyền lưng ong/ Ghì vào đêm/ Mẹ đi qua tuổi xuân/ Đi hết phận bạc/ Một đời đơn chiếc/ Mẹ khát gặp chồng trong mơ* (Giấc mơ). Từng dòng thơ đó như một lời than, một lời tâm sự dài với biết bao nỗi lòng của người phụ nữ tần tảo cả đời vì con trong cô độc. Từng lớp ngôn từ như thấm sâu vào đá những chất chứa yêu thương. Lê Khánh Mai đã dùng trái tim hiểu thảo để thấu hiểu cho mẹ mình “một đời phận bạc”, đi hết thanh xuân cùng với đứa con gái, không chồng - không trụ cột, tuổi hai mươi của mẹ lẻ loi trong “một đời đơn chiếc” để rồi bằng tất cả những nỗi u sầu ấy, mẹ gửi vào *giấc mơ vô thức* để thỏa lòng gặp lại chồng trong cõi tâm thức. Giấc mơ có khả năng chữa lành những nỗi đau đời thực, một hành động *vô thức* mà theo S.Freud đó là sự ban tặng của các đấng thiêng liêng dành cho con người.

Như vậy, với hình ảnh *giấc mơ*, chúng ta có thể hiểu rằng đó là sự cứu cánh, là sự nương nhờ, là sự lạc quan trong cõi tâm vô thức. *Giấc mơ* như liều thuốc bình an đã cứu cánh cho những nỗi niềm còn đau đáu trong cuộc đời của nữ sĩ. Khi không giải tỏa được và để tránh ức chế tinh thần thì giấc mơ hiện ra như một dòng suối mát. Bởi vậy, tìm hiểu hình tượng *giấc mơ* của Lê Khánh Mai từ ánh sáng của Phân tâm học, chúng ta cũng có nhiều sự nhìn nhận tích cực.

3.2.2. Vô thức tập thể qua hình tượng các cổ mẫu

S.Freud quan niệm về nguồn gốc của việc sáng tạo văn học đều bắt đầu từ *vô thức* của con người. Đó là một luận điểm đúng, nhưng theo chúng tôi, cách lý giải này có phần chưa đầy đủ. Bởi việc sáng tác nghệ thuật, không chỉ dựa trên *vô thức cá nhân*. *Vô thức cá nhân* chỉ là điểm xuất phát cho những nhu cầu giải tỏa tính dục mà hành trình tạo nên một tác phẩm nghệ thuật không phải chỉ có sự bắt đầu như thế. Chúng tôi nhận thấy quan niệm của Jung về *vô thức tập thể* là một sự bổ khuyết và làm hoàn thiện hơn học thuyết Phân tâm học. Người học trò này của S.Freud về sau đã kịch liệt phản đối lối tư duy áp đặt của chính thầy mình khi cho rằng: Các nhà văn Sophocles, Shakespeare, Dostoievski, ... sáng tác các tác phẩm nghệ thuật là do sự thăng hoa các ham muốn tính dục nảy sinh từ *vô thức* của người nghệ sĩ. Theo Jung, những điểm tương đồng trong văn hoá của dân tộc, của thời đại luôn ẩn hiện trong các sáng tác của những nhà nghệ sĩ tài năng này. “*vô thức tập thể* là tầng sâu của tâm thức nhân loại, nơi lưu giữ các cổ mẫu - những hình ảnh nguyên sơ có tính lặp lại trong văn hóa và nghệ thuật”. [2, tr.29]

Một tác phẩm văn học không thể chỉ mang mỗi dấu ấn cá nhân của người nghệ sĩ. Hơn hết, nó còn chịu sự tác động hết sức mạnh mẽ của những *cổ mẫu* bên ngoài. Với Jung, *vô thức cá nhân* của con người là nguồn gốc cho việc sáng tác nghệ thuật là không sai, nhưng chưa đủ, cũng phải cần lưu ý đặc biệt đến *vô thức tập thể*. Theo ông, “Mỗi tác phẩm văn học như một giấc mơ nhỏ của mỗi nhà văn” [3, tr.34] nhưng đồng thời nó cũng phải chứa các giấc mơ của mọi người. Vì trong *vô thức cá nhân* luôn có sự tồn tại của *vô thức tập thể*. Minh chứng cho điều này, chúng ta có thể thấy, trong thơ ca của Nguyễn Bính là cả một hồn quê, nét quê. Các đặc điểm “quê” này là tiền đề cho những câu thơ đậm phong cách sáng tác của ông. Những gì tinh túy của quê hương được khúc xạ trong *vô thức cá nhân* của Nguyễn Bính làm cho ông luôn có nét chân quê trong từng tác phẩm của mình. Vận dụng sự lý giải về *vô thức tập thể*, chúng ta nhận thấy trong thơ của Lê Khánh Mai tràn đầy dấu ấn của các *cổ mẫu*. Chúng là những *vô thức tập thể* độc đáo, tác động đến hành trình sáng tạo nghệ thuật của bà.

Trong các *cổ mẫu* của *vô thức tập thể*, chúng tôi nhận thấy sự ảnh hưởng của quê hương (miền duyên hải Trung bộ) đã để lại những điều rất sâu đậm trong hình tượng nghệ thuật thơ Lê Khánh Mai. Trong các tập thơ được sử dụng để khảo sát thì hình tượng gió, cát chiếm đến 78,5% trong tổng số các hình tượng thơ khác. Đây là một minh chứng rõ nét cho học thuyết của Jung khi các *vô thức tập thể* đã tác động đến hành trình sáng tác nghệ thuật của mỗi nhà thơ. Ông cho rằng mỗi tình cảnh, sự vật và hình tượng điển hình thì đều là những *cổ mẫu*. Chúng có ý nghĩa biểu trưng rất lớn cho những dấu ấn nơi tâm thức của mỗi người. *Cổ mẫu* có sự ảnh hưởng nhất định trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. *Cổ mẫu* tạo nên những hình tượng thơ vừa mang nét đặc trưng cho cả vùng miền, vừa tạo nên những đặc sắc riêng cho mỗi nhà thơ. Thế nên, khi bắt gặp *cổ mẫu*, mỗi người chúng ta đều như cảm thấy những hình tượng ấy như vừa lạ, vừa quen.

Miền duyên hải nước ta từ Bình Thuận (nay thuộc Lâm Đồng) trở ra đến Khánh Hòa và nhiều tỉnh miền Trung khác có yếu tố đặc trưng của thiên nhiên chính là gió và cát. Vùng đất này bị sa mạc hóa từ những năm 1950, điều đó đã ảnh hưởng đến tâm lý của bà nên để lại một dấu ấn khó phai: *Gió đầy ắp trong căn nhà của mẹ/ giặt mái tranh nghèo/ giăng cây trái vẹo nghiêng/ Lúa xác xơ oằn rạp trên đồng/ Con gái Tu Bông suốt ngày tóc rối/ Người dân gồng mình đỡ cơn gió xối* (Gió Tu Bông). Bài thơ chất chứa thật nhiều kỉ niệm thuở ấu thơ, trong đó bà đã rất ấn tượng với hình ảnh gió Tu Bông làm cảnh nhà tan hoang, xơ xác. Theo trang thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa, gió Tu Bông (có tên chữ là gió Tụ phong (họng gió), sau khi vượt qua đèo Cả, gió bị ép hết nước mưa ở vùng Đồng Cọ rồi len vào khe núi tạo thành gió với vận tốc mạnh) là một đặc sản của vùng đất Vạn Ninh, nó gắn liền với văn hóa nơi đây, nơi mà có khí hậu khắc nghiệt ở về phía Nam đèo Cả. Dân gian từ xưa cũng đã lưu truyền câu ca dao: *Gió đâu bằng gió Tu Bông/ Thương cha, thương mẹ, thương chồng, thương con* (Ca dao). Như vậy, *cổ mẫu* gió mang *vô thức tập thể* đã thổi vào hồn thơ Lê Khánh Mai những ấn tượng rất chung mà cũng rất riêng, tạo nên hình tượng thơ, chất thơ mang đặc trưng vùng miền rất rõ.

Hay ở bài thơ *Hỏi*, những *cổ mẫu* gió và cát cũng đồng loạt hiện lên trong tâm thức nhà thơ như một hình tượng xuyên suốt: *Này sông/ về đâu vội vã/ bỏ ta đứng lại bên trời/ đợi ta hoá thành chiếc lá/ theo dòng ra bể rong chơi/ Này mây/ lững lờ chi mãi/ ngàn năm làm kẻ vô tâm/ ta sẽ biến thành ngọn núi/ níu mây kết nghĩa tri âm/ Này gió/ hát gì mê mãi/ vì vu giải yếm tàng hình/ nếu ta hoá thân cát bụi/ biết là gió có đã mang?* (*Hỏi*). Cả bài thơ là tác lòng ưu hoài, nặng trĩu nỗi niềm. Nhà thơ đã mượn những hình ảnh chuyển động của thế giới tự nhiên để tự vấn cái bất động trong tâm hồn mình. “Sông” vội vã giữa dòng đời xuôi ngược để rồi cất cao lời thành ước muốn hư vô. Hóa thành “lá” để suốt kiếp rong chơi trong tự tại cuộc đời. “Mây” trôi lững lờ hay lòng người hờ hững với nhân sinh, kẻ vô tâm người vô ý, nhà thơ lại muốn hóa “núi” để níu kéo tâm hồn của thế gian. Ước muốn cao vời ấy được cụ thể hóa và sinh động hơn qua hình ảnh của *cổ mẫu* quen thuộc với quê hương Khánh Hòa: Gió. Gió mãi miết thổi về nơi xa xôi, nhà thơ ước muốn hóa thành “cát bụi” để cùng chu du với gió. Tâm hồn cao đẹp của nhà thơ được khúc xạ qua các hình tượng thiên nhiên, để rồi ở đó, nó thể hiện một vẻ đẹp của lòng chung thủy, sắc son với con người, với cuộc đời. Những hình ảnh đẹp, thơ mộng vốn là thiên tính nữ vĩnh hằng từ xa xưa, diễn ngôn về nữ giới luôn hiển hiện rõ nét như một dấu ấn của *cổ mẫu* này trong thơ Lê Khánh Mai:

bức rèm hoa dây leo lay động.../mưa thu tí tách gọi tình.../hạt sương quỳên sinh trong niềm đau.../ngân lên da diết cung đàn xưa (Mặt ngôn của tình yêu). Thiên nhiên ở góc nhìn của giới nữ rất nên thơ và đẹp đẽ, sự nữ tính này hiện lên như một điệp khúc quen thuộc mà không chỉ ở Lê Khánh Mai mà còn ở các nữ nhà thơ đương đại khác.

Qua thống kê và phân loại các bài thơ của 03 tập thơ được ra mắt vào năm 2016: *Cây ngôn ngữ ra hoa*, *Ánh sáng đời cây* và *Cánh đồng thức*, chúng tôi nhận thấy gió và cát đã trở thành những biểu tượng nghệ thuật của Lê Khánh Mai. (Với tỉ lệ chiếm đến 34,5%). Trong đó, bài thơ *Bốn phận* là ví dụ điển hình cho *vô thức cá nhân* và *vô thức tập thể* đã không ngừng chi phối sự sáng tạo nghệ thuật của bà. Trong khi biểu đạt trách nhiệm của mình với cuộc đời, bà vẫn bị chi phối bởi những điều đặc biệt của quê hương: *Một ngày kia/ta về nơi gió cát/ không để lại dấu vết bốn phận nhạo cười tiễn đưa ta (Bốn phận)*. “Gió” và “cát” đón bà về chính là sự nói giảm, nói tránh của cái chết. Cuộc đời vô thường vẫn xoay, ta đến từ cát bụi rồi cũng trở về cát bụi mà thôi, Thế nên một ngày kia, nhà thơ cũng sẽ ra đi trong “gió” và “cát” của quê hương mình. Nhưng ở đó, chúng ta thấy được cái chua xót của dòng thơ “không để lại dấu vết”. Đó cũng là sự khiêm tốn hay là sự tự vấn chính mình của nữ nhà thơ. Bà đến thế gian, đi khỏi thế gian nhưng chẳng để lại gì để rồi “bốn phận” nhạo cười bà. Sự tự vấn ấy, nó bóc bạch cái trách nhiệm của con người khi đến với cuộc đời này. Sống phải là hành trình của sự cống hiến. Vậy tại sao khi ra đi ta lại “không để lại dấu vết”. Đó là sự thiếu trách nhiệm của kiếp người, sự vô nghĩa của đời sống. Sự tự vấn của chủ thể trữ tình đã cho người đọc tự ý thức với trách nhiệm làm người của mình. Đây là bài thơ khá ấn tượng trong hành trình đi tìm *vô thức tập thể* trong hình tượng thơ Lê Khánh Mai.

Ngoài ra, chúng tôi cũng phát hiện các *vô thức tập thể* khác cũng lần được xuất hiện với tần suất cao trong thơ Lê Khánh Mai như: cỏ, lá, cánh đồng với các tỉ lệ lần lượt là 22,5%, 12,7% và 10,6%. Với khảo sát này, cho phép chúng tôi kết luận như sau: Các *vô thức tập thể* trong thơ của Lê Khánh Mai chủ yếu là thiên nhiên, gắn liền với những “ngập ngừng nữ tính” (từ dùng của Hồ Thế Hà) trong sự đáng yêu, dễ thương và trong sáng. Nhiều bài thơ có hình tượng *cỏ* rất thi vị và giàu ý nghĩa biểu trưng: *Khi tôi rap mình trước cỏ/ nhận ra ý nghĩa làm người (Lá và cỏ)* hay *Ta đơn sơ như cỏ thôi/ Phải đâu dấu hỏi mà đời phân vân (Đơn sơ)*. Cỏ trở thành điểm tựa cho tâm hồn nhỏ bé của giới nữ, luôn xem mình là phái yếu và sự nhỏ nhoi trước cuộc đời. Hay cũng có những hình tượng thơ đáng yêu và ngây ngô gắn với lá: *Mang thân đàn bà phận lá/ nào ai lường hết nẻo tình (Bạn gái)* hay *Này sông/ về đâu vội vã/ bỏ ta đứng lại bên trời/ đợi ta hoá thành chiếc lá/ theo dòng ra bể rong chơi. (Hỏi)*. Hay *mùa xuân đến gieo trồng/ hạt mầm lên khát vọng/ những ô vườn lấp lánh/ màu lá xanh mỡ màng... (Cánh đồng xuân)*. Lá mang trong mình ý nghĩa *cổ mẫu* về sự đổi thay, sự lay động và bất định thì thân phận người con gái cũng thế. Số phận đời họ thường dễ bị đổi thay theo hôn nhân, phụ thuộc vào người chồng và dễ bị dúi dập trước những sóng gió cuộc đời. Bên cạnh đó, hình tượng *cánh đồng* hiện lên cũng chứa bao mơ ước và hy vọng: *Tôi đã ném vị bùn chát mặn/ như nhánh mạ non/ mẹ gieo xuống ruộng lầy/ chắt chiu từng hạt bùn màu mỡ/ nuôi tôi thành cây lúa trĩu bông (Tôi sinh ra từ bùn),...* Cánh đồng nơi hiện lên thành quả của những ngày lao động vất vả và bản thân của chủ thể trữ tình cũng cảm nhận được bản chất ấy. Tôi sinh ra từ khó khăn và nỗ lực để đạt được cuộc sống tốt đẹp cũng như: *chắt chiu từng hạt bùn/...nuôi tôi thành cây lúa trĩu bông*.

Có thể thấy, các *vô thức tập thể* nói trên đã mang đến những ấn tượng đặc biệt trong hình tượng thơ Lê Khánh Mai. Nữ nhà thơ đã chịu sự ảnh hưởng của các *cổ mẫu* từ thiên nhiên của miền Khánh Hòa và tạo nên những vần thơ mang dấu ấn cá nhân của riêng mình. Quê hương dường như đã trở thành một biểu tượng cao cả trong lòng nữ nhà thơ. Hình ảnh ấy sẽ mang dấu ấn địa văn hoá sâu đậm nơi mỗi con người. Nhà tâm lý học Huỳnh Văn Sơn cũng đã từng nhận định: “Mỗi con người có một phần tính cách của quê hương” [5] là vì vậy.

3.2.3. *Cái siêu tôi qua hình tượng những khát khao cao cả*

Trong cấu trúc Tâm thần bộ, mỗi cá thể là một bản thể mà ở đó, sự đấu tranh tâm lý diễn ra rất dữ dội giữa ba yếu tố là: *cái đó*, *cái tôi* và *cái siêu tôi*. Trong đó, *cái tôi* luôn phải đấu tranh với *cái đó* để giữ gìn những giá trị đạo đức của con người. Nghiên cứu thơ Lê Khánh Mai, chúng tôi nhận thấy hành trình vươn đến *cái siêu tôi* trong hình tượng nghệ thuật thơ luôn gắn với những khát khao cao cả. Chủ yếu những khát khao đó gắn chặt với sự cao thượng trong tình yêu, trong cuộc sống thông qua những ước muốn đầy chất nhân văn.

Trước hết, hình tượng thơ gắn liền với khát vọng dẫn thân. Đó là sự dẫn thân vào cuộc đời không phải để ganh đua hay tị hiềm với ai mà dẫn thân là để cống hiến. *Cái đó* đã bị ức chế để hình thành nên *cái siêu tôi*, biểu hiện ấy cũng như lời thơ: *Trót sinh làm giống đa tình/ Thì yêu đến nát đời mình mới thôi... (Duyên nợ)*. Trong bài thơ *Duyên nợ*, nữ nhà thơ tự mang lấy chữ “giống đa tình” vào mình. Nghĩa là bà thừa nhận bốn phận của mình khi sinh ra là đã được cuộc đời gửi trao cho thật nhiều những tình cảm, chữ nghĩa thế nên bản thân mình phải “yêu”, phải dâng hiến trở lại cho cuộc đời này đến “nát đời” mới hoàn thành được trách nhiệm “đa tình” đó. Chẳng có sự ép buộc nào ở đây, bà tự xem đó là việc mình phải làm và nên làm như là duyên nợ giữa cuộc đời. Khát vọng dẫn thân dường như luôn nhắc nhở bà trong hành trình sống: *Một ngày kia/ ta về nơi gió cát/ không để lại dấu vết/ bốn phận nhạo cười tiễn đưa ta (Bốn phận)*. Hình tượng dẫn thân thể hiện qua qua cụm từ “nhạo cười”. Qua bài thơ ấy, bà đặt ra câu hỏi tự vấn cho độc giả và cũng là cho chính mình: Trong hành trình của cuộc sống, phải sống như thế nào để khi mất đi, cuộc đời không cười nhạo ta là kẻ vô dụng. Bài thơ với cái cười thâm thúy cũng là *cái siêu tôi* rõ nét về sự tự vấn trong hành trình cống hiến của mình. Sống là phải để lại hoa thơm, trái ngọt cho đời để cuộc đời này là một cuộc sống ý nghĩa, chứ không phải chỉ là một cái vô hồn. Ở bài thơ *Ơi người*, chúng tôi tìm thấy một hình tượng nghệ thuật mang khát vọng dẫn thân gắn liền với đức tin của người Công giáo. Trong bí tích Chúa Giê-su vác cây thập giá, “Chúa đã tự mình gánh lấy hết hận thù đau đớn mà con người gây cho nhau và nói lại bằng chính thân xác của mình”, Lê Khánh Mai đã nhận ra được sự thiêng liêng này trong trách nhiệm dẫn thân của mình nên đã viết: *Đường về La Mã vời xa/ Vác cây thánh giá vượt qua phận mình (Ơi Người)*. Bà đã tự gắn chặt cuộc đời mình với trách nhiệm gánh vác “cây thánh giá” của thế gian để mà nối kết những tâm hồn con người, nên mang nó trên thân cũng là cách bà “vượt qua” chính thân phận của mình. Những khát khao dẫn thân cao cả như thế tạo thành một chất thơ và hồn thơ Lê Khánh Mai.

Trong hành trình hướng về *cái siêu tôi*, hình tượng nghệ thuật thơ Lê Khánh Mai lại in đậm dấu ấn của sự khiêm tốn - đức tính rất quan trọng của đạo làm người. Trong bài thơ *Lá và cỏ*, nhà thơ thể hiện sự cao cả trong suy nghĩ và hành động: *Phải kiếm tìm đâu xa lạ/ thiên nhiên đạo đức cao vời/ khi tôi rap mình trước cỏ/ nhận ra ý nghĩa làm người (Lá và*

cổ). Bài thơ chứa đựng hình tượng về *cái siêu tôi* rất rõ khi cuộc sống là hành trình đi tìm “ý nghĩa làm người”. Triết lý ấy chẳng cần mãi miết tìm kiếm nơi trang sách nào, bà nhận ra “thiên nhiên đạo đức cao vời”, thiên nhiên cũng đã và đang làm người thầy tuyệt vời dạy cho bà bao nhiêu những điều cao đẹp. Hành trình bài thơ là hành trình sống của ai đó được biểu hiện qua thơ, ở đây với Lê Khánh Mai đó là hành trình đi tìm chữ “thiên lương” (từ dùng của Nguyễn Tuân) ở đời. Và trong muôn vạn điều triết lý, bà nhận ra cở dưới chân mình thật thấp bé nhưng lại ngời sáng bao điều minh triết. Cỏ kiên cường, cỏ mạnh mẽ, cỏ vượt lên bao nghiệt ngã dù cuộc đời đập giấm, dập vùi đến đâu. Cỏ là bài học hay nhưng để nhận ra bài học hay ấy, bà đã phải cúi xuống “rạp mình” mới thấy được. Động từ “rạp mình” vừa gợi vừa tả rất hay. Nó tả lại tư thế cúi xuống thật thấp của một người, thấp rất thấp và đồng thời nó cũng gợi lên sự khiêm hạ, cúi mình để nhìn một vật bị xem là bé nhỏ tầm thường. Không ngờ rằng, khi chủ thể trữ tình khiêm hạ, từ tốn như vậy lại thấy cuộc đời này thật ý nghĩa. Bài thơ phảng phất lời ông bà đã dạy trong câu tục ngữ: “Lúa chín cúi đầu”. Hay ở một bài thơ khác, đức tính khiêm tốn trong *cái siêu tôi* vẫn luôn được tác giả gìn giữ và nhất quán: *Ta đơn sơ như cỏ thôi/ Phải đâu dấu hỏi mà đời phân vân/ Có ta trời thân nhiên xanh/ Không ta mây trắng yên lành vẫn trôi* (Đơn sơ). Bài thơ thật lạ bởi vẻ đẹp nhân nghĩa của ông bà ta từ xưa luôn nhắc con cháu một câu thành ngữ quen thuộc thế này: “Không mợ, chợ vẫn đông” để răn dạy người đời sau tính tự kiêu, tự đại. Tự xem mình là quan trọng, tự đề cao lấy bản thân mình, điều đó thật chẳng có ích gì cho bất kì ai. Nuôi dưỡng lòng tự cao chính là nuôi dưỡng sự thù ghét hờn căm. Đó cũng là yếu tố tạo nên sự bất hòa, mất đoàn kết trong cuộc sống này. Chính vì thế, triết tiêu tính tự cao là một điều hướng đến *cái siêu tôi* trong hành trình ý nghĩa của cuộc sống. Lê Khánh Mai viết bài thơ Đơn sơ cũng là để tự nhắc mình hướng về điều cao cả ấy. “Không ta mây trắng yên lành vẫn trôi” là hình tượng thơ khiêm tốn, nhẹ nhàng nhưng rất sâu sắc.

Cái siêu tôi trong thơ Lê Khánh Mai còn chứa đựng ở đó những bài học về triết lý nhân sinh. “Cái tôi trữ tình” trong thơ của bà không chỉ đơn thuần chứa đựng tình cảm, qua thơ ca, bà còn nhập vai vào những sự vật để gửi gắm lại cuộc đời những “tầng sâu ý thức” mà mỗi chúng ta cần hướng đến. Trong bài thơ *Tám ảnh, bức tường và cái đình*, tất cả hiện lên như một câu chuyện gọi ra bao suy ngẫm về trách nhiệm sống của mỗi cá nhân giữa cuộc đời. Dù đóng vai trò gì đi chăng nữa, mỗi chúng ta đều có giá trị riêng của bản thân mình: *những tám ảnh treo lên, hạ xuống, / vui tươi rồi buồn bã/ bức tường vẫn lặng im với gương mặt già nua/ riêng cái đình gì tự thấy mình sáng giá.* (*Tám ảnh, bức tường và cái đình*). *Cái siêu tôi* cao cả mà nữ nhà thơ muốn hướng đến là cách chúng ta sống, cách chúng ta nhìn nhận cuộc đời này.

Cuối cùng, trong quá trình khảo sát thơ Lê Khánh Mai, chúng tôi còn nhận thấy một hình tượng nghệ thuật khác mà dưới góc nhìn của Jung, nó vẫn là phạm trù của cấu trúc Tâm thần bộ. *Cái siêu tôi* của Lê Khánh Mai hướng đến còn là sự lạc quan, yêu đời - một yếu tố hết sức quan trọng trong hành trình sống đẹp. Cuộc đời này chưa bao giờ là những thảm nhung với đầy hoa và nắng. Cuộc đời với bản chất là chông gai, khó khăn và thử thách, con người thì nhỏ bé vô thường, vậy nên để bước qua được những gian nan ấy, cần lắm sự yêu đời và tinh thần lạc quan, tích cực. Với ý nghĩa đó, nữ thi sĩ đã tạo nên những hình tượng thơ mang triết mỹ sâu xa. Điều này đúng với nhận xét của nhà báo Nguyễn Phụng Hiếu trên diễn đàn văn chương thành phố Hồ Chí Minh, “Lê Khánh Mai - hồn thơ mây trắng”. Sống

lạc quan là cuộc sống yêu đời, chấp nhận khổ đau bằng cái nhìn tích cực. Trong bài *Chân trời màu lam* bà đã viết: *Cứ tin/ phía trước là chân trời/ và trái đất chẳng mệnh mông/ như ta hằng nghĩ/ ... Phía trước là chân trời/ cứ tin như thế/ như vốn tin vào những điều nghịch lý/ trong đời/ Nỗi đau mỉm cười/ niềm vui bật khóc/ riêng trái tim/ vẫn thì thầm hát/ chân trời màu lam (Chân trời màu lam)*. Điệp ngữ “cứ tin” được lặp lại như một lời khuyên bảo nhẹ nhàng, như một lời động viên đầy cảm xúc. Phía trước đã tới chân trời, việc gì mà cứ phải bận lòng hoài trong nỗi đau buồn, khổ nhọc. Cứ chấp nhận, đau thì mỉm cười, buồn hãy bật khóc nhưng dù là trạng thái gì đi nữa thì trái tim vẫn phải hát lên khúc nhạc lạc quan. “Chân trời màu lam” là hình tượng thơ vượt lên *cái đó* của sự bị quan, tiêu cực để hướng về *cái siêu tôi* tích cực tràn đầy. Hãy cứ nhớ và hãy cứ vững tin về một ngày mai rực sáng như “chân trời màu lam” đang đợi chờ. Trong một bài thơ khác, Lê Khánh Mai cũng đã hát lên “tâm khúc” đời mình như sau: *Thấp lên niềm kỳ vọng bầu trời/ tôi ký thác hồn mình nơi cao xanh vời vời/ dù có thể sau ngàn mây kia/ là thăm thẳm một cõi hoang lừa dối/ người ơi năm tháng còn lại/ trái tim tôi kiêu hãnh tổn thương./ Điều huyền hoặc vốn là điều tàn nhẫn/ nhưng đôi khi cứu vớt được linh hồn/ Rồi mai gió lật chiều cánh rã/ hát khúc lưu đầy về chốn hư không/ bao xót đắng mình tôi thanh lọc/ cơn mê này buốt trong (Tâm khúc)*. Đây là một bài thơ đa dạng hình ảnh và giàu ý nghĩa nhân văn. Nó nặng trĩu những tâm sự của đời bà nhưng cũng bao trùm lên đó là tinh thần lạc quan tích cực. Những hình ảnh hướng về bầu trời, về hy vọng, về cao xanh, về thanh lọc như một điệp khúc động viên, khuyên bảo con người. Dù “thăm thẳm sự lừa dối” hay những sự “tàn nhẫn” thì đến cuối cùng cuộc đời, mình vẫn được thanh lọc sáng trong, rũ bỏ hết mọi đam mê hoang tưởng. Lời thơ đúng là lời của khúc nhạc lòng đầy ý vị.

Như vậy, có thể thấy, từ lý thuyết Phân tâm học, những hình tượng thơ về sự dần thân, khiêm tốn, lạc quan đã cho thấy một *cái siêu tôi* đầy ý nghĩa. Đọc thơ Lê Khánh Mai cũng là hành trình nhận ra bức thông điệp về những lời khuyên để con người ta sống yên vui, cao thượng và đẹp đẽ hơn.

4. KẾT LUẬN

Từ sự vận dụng những lý thuyết của Freud và Jung về Phân tâm học vào việc nghiên cứu thơ Lê Khánh Mai, tác giả bài viết có thể lý giải và hiểu thêm về cơ chế của tâm lý học sáng tạo văn học và hiểu sâu sắc hơn về các hình tượng nghệ thuật trong thơ. Sử dụng Phân tâm học để giải mã thơ, chúng tôi đã cơ bản cắt nghĩa được sự liên quan giữa hiện thực đời sống của nhà thơ và quan niệm nghệ thuật về con người trong thơ ca. Các hình tượng thơ gắn với *vô thức cá nhân*, *vô thức tập thể* và *cái siêu tôi* trong thơ Lê Khánh Mai đã làm cho chất thơ và hồn thơ của bà có dịp tỏa phát và nội cảm hóa trong lòng người đọc. Qua hành trình sáng tác, Lê Khánh Mai đã khẳng định được một chất vị riêng giàu thiên tính nữ, giàu chất triết mỹ trong nền thơ hiện đại Việt Nam nửa cuối thế kỷ XX. Lê Khánh Mai đã góp phần tạo nên một sắc màu tuyệt đẹp cho thơ ca Khánh Hòa nói riêng và nền thơ miền Trung nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Betty Friedan (Nguyễn Hà Vân dịch) (2015), *Bí ẩn nữ tính*, Nxb. Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Carl Gustav Jung (Nhiều tác giả dịch) (2007), *Con người và những biểu tượng (Man and His Symbols)*, Nxb. Tri Thức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] David Stafford-Clark (Lê Văn Luyện, Huyền Trang dịch) (2002), *Freud đã thực sự nói gì?*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội.
- [4] Hội nhà văn Việt Nam (2007), *Nhà văn Việt Nam hiện đại*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
- [5] Huỳnh Văn Sơn (2011), *Văn hóa của quê hương trong tâm lý con người*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Tập 5(3c), tr.15-17.
- [6] Phương Lưu (chủ biên) (2011), *Lý luận văn học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [7] Trần Đình Sử (2023), *Quan niệm nghệ thuật*, truy cập tại: <https://trandinhvu.wordpress.com/2023/12/01/quan-niem-nghe-thuat/>, ngày truy cập 16/7/2025.
- [8] Trần Viết Thiện (2017), *Thơ Lê Khánh Mai nhọc nhằn phận thơ, phận đời*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Tập 14(4b), tr.27-28.

THE ARTISTIC IMAGERY IN LE KHANH MAI'S POETRY FROM A PSYCHOANALYTIC PERSPECTIVE

Vo Minh Nghia

ABSTRACT

Grounded in the psychoanalytic theories of Freud and Jung, this study unfolds an exploration of artistic imagery in poetry through three dimensions: the personal unconscious, the collective unconscious, and the superego. From these vantage points, the poetic images in Le Khanh Mai's work are refracted through a renewed lens-one that delves into the profound depths of the inner self, intricately bound to the life and destiny of the poetess. Her poetry emerges not only as a personal utterance but also as the crystallization of a collective consciousness and the embodiment of noble spiritual ideals. Placed under the light of psychoanalysis, this research seeks to affirm the unique value of women's poetry within the discourse of modern literature, where individual voices resonate with timeless depths of the human spirit.

Keywords: *Le Khanh Mai, psychoanalysis, unconscious, collective unconscious, superego, artistic imagery.*

** Ngày nộp bài: 06/8/2025; Ngày gửi phản biện: 25/08/2025; Ngày duyệt đăng: 20/05/2026*